

Bản án số: **82/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 17-01-2018
Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lượng.
Bà Phan Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 468/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3178/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị Hồng P**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số A đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1975; quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: Nhật Bản.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng P trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số H quyền số 08 ngày 17 tháng 7 năm 2009, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 6 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Việt Nam được khoảng 01 tháng thì ông Phạm Thanh H trở về

Nhật Bản. Hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và trao đổi thông tin về việc thực hiện thủ tục để bảo lãnh bà sang Nhật Bản định cư. Tuy nhiên, giấy tờ bảo lãnh không được chấp thuận, đến nay bà không còn ý định cùng ông Phạm Thanh H đoàn tụ gia đình tại Nhật Bản. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Phạm Thanh H.

Về con chung: Bà và ông Phạm Thanh H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 11 năm 2017 (được Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận chữ ký) bị đơn ông Phạm Thanh H trình bày:

Ông và bà Trịnh Thị Hồng P tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số H quyền số 08 ngày 17 tháng 7 năm 2009, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp. Sau khi kết hôn ông trở về Nhật Bản tiếp tục làm việc và sinh sống, vợ chồng ông ít có thời gian chung sống, vì quá bận rộn và khoảng cách về địa lý nên hai người không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và vun đắp tình cảm vợ chồng. Nay bà P khởi kiện ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Trịnh Thị Hồng P không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Thanh H hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên và bị đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Thanh H hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và Giấy chứng nhận kết hôn số H quyền số 08 ngày 17 tháng 7 năm 2009, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 6 năm 2009, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Trịnh Thị Hồng P với ông Phạm Thanh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của các đương sự thì sau khi kết hôn, nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng P và bị đơn ông Phạm Thanh H chỉ chung sống trong một thời gian ngắn thì ông Phạm Thanh H trở về Nhật Bản còn bà P sinh sống tại Việt Nam, từ đó, hai người rất ít liên hệ với nhau. Do không thể làm thủ tục bảo lãnh bà P sang Nhật Bản cùng chung sống nên hai người không còn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Phạm Thanh H đồng ý.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, cuộc hôn nhân giữa bà Trịnh Thị Hồng P và ông Phạm Thanh H không hạnh phúc, hai người không thực tế chung sống bên nhau, cùng nhau vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình. Cảnh sống mỗi người một nơi dẫn đến vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bà P khởi kiện yêu cầu được ly hôn và bị đơn đồng ý, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Trịnh Thị Hồng P được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 121 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng P:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị Hồng P được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số H quyền số 08 ngày 17 tháng 7 năm 2009, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 6 năm 2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Các đương sự cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Hồng P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0047879 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà P đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Minh

Nguyễn Văn Lượng

Nguyễn Văn Tuấn